

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603  
Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018  
Trang 1 thuộc 12

## BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

### MỤC 1

### DANH TÍNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

#### SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: **MOBILTHERM 603**  
Mô tả sản phẩm: Các Dầu Gốc Đã Được Xử Lý Cẩn Thận  
Mã sản phẩm.: 201560802010, 680512  
Sử dụng đúng mục đích: Truyền nhiệt

#### DANH TÍNH CÔNG TY

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp: **ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd (Mã Công Ty: 196800312N)**  
Căn 1 Harbour Front  
Số 06-00 Tòa Nhà Harbour Front Số Một 098633 Singapore

Cấp Cứu Y Tế 24/24 giờ +1 703-253-4229/+1 703-527-3887  
Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp (65) 6885 8000/86-21-24076000

Nhà cung cấp: **CÔNG TY TNHH EQUATOR**  
146 - 148 đường Khánh Hội  
Phường 6, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 8 3940 6411

Nhà cung cấp: **Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Giang**  
202 Hoàng Văn Thụ  
Phường 9, Quận Phú Nhuận  
Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 28 73024500

Nhà cung cấp: **Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN**  
53 đường Hoàng Quốc Việt  
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy  
Hà Nội Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 24 32123939

### MỤC 2

### NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo hướng dẫn quy định (xem BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) Mục 15).

#### PHÂN LOẠI:

Chất độc hít phải qua miệng: Nhóm 1.

#### NHÃN:

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603  
Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018  
Trang 2 thuộc 12

## Ký hiệu:



**Từ Cảnh Báo:** Nguy hiểm

## Các Công Bố Về Mỗi Nguy Hiểm:

Sức Khỏe: H304: Có thể nguy hiểm đến tính mạng khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.

## Thông Điệp Đề Phòng:

Đối phó: P301 + P310: NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay lập tức cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc bác sĩ.  
P331: KHÔNG gây nôn.

Bảo Quản: P405: Bảo quản khóa chặt.

Thải bỏ: P501: Thải bỏ các phần chứa bên trong và dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương.

**Chứa:** DUNG MÔI PHẦN CẮT PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ SÁP

## Thông tin khác về mỗi nguy hiểm:

### CÁC HIỂM HỌA VỀ MẶT VẬT LÝ/HÓA HỌC

Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

### CÁC HIỂM HỌA CHO SỨC KHỎE

Tiếp xúc quá nhiều có thể dẫn đến bị kích ứng mắt, da hoặc đường hô hấp.

### CÁC HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG

Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

**LƯU Ý:** Không được dùng vật liệu này ngoài mục đích sử dụng được đề cập đến trong Mục 1 mà không có ý kiến của chuyên gia. Các nghiên cứu về sức khỏe cho thấy rằng việc tiếp xúc với hóa chất có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe con người và biểu hiện khác nhau trên mỗi người.

## MỤC 3

## THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Vật liệu này được quy định xem là một chất phức tạp.

### (Các) Chất Nguy Hiểm hoặc (các) Chất Phức Tạp cần phải công bố

| Tên   | Mã số thông tin cơ bản CAS của hóa chất# | Hàm lượng Nồng độ* | Các Mã về Mỗi Nguy Hiểm theo GHS |
|---|--|--------------------|----------------------------------|
| Phần cắt paraffin nặng được xử lý hydro cao     | 64742-54-7                               | 50 - < 60%         | H304                             |
| DUNG MÔI PHẦN CẮT PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ SÁP | 64742-65-0                               | 50 - < 60%         | H304                             |

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603

Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018

Trang 3 thuộc 12

\*Mọi nồng độ đều được tính theo phần trăm khối lượng trừ khi vật liệu là chất khí. Nồng độ các chất khí được tính theo phần trăm thể tích.

## MỤC 4 CÁC BIỆN PHÁP CẤP CỨU

### HÍT VÀO

Đưa ngay ra khỏi môi trường tiếp xúc. Đối với những người cứu hộ, tránh tiếp xúc cho cả bản thân mình hoặc cho người khác. Dùng các biện pháp thở đáng để bảo vệ đường hô hấp. Nếu bị kích ứng đường hô hấp, chóng mặt, buồn nôn, hoặc bất tỉnh xảy ra, tìm gặp y bác sĩ ngay. Nếu nạn nhân bị ngưng thở, dùng thiết bị cơ học để làm thông khí hoặc dùng biện pháp hô hấp nhân tạo miệng qua miệng.

### TIẾP XÚC VỚI DA

Rửa các vùng tiếp xúc với nước và xà phòng.

### TIẾP XÚC VỚI MẮT

Súc rửa thật kỹ với nước. Nếu bị kích ứng, tìm gặp y bác sĩ.

### ĂN VÀO

Tìm gặp y bác sĩ ngay lập tức. Không gây nôn mửa.

### Y BÁC SĨ CẦN CHÚ Ý

Nếu ăn phải, vật liệu có thể bị hít vào phổi và gây ra viêm phổi do hóa chất. Điều trị bằng biện pháp thích hợp.

## MỤC 5 CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

### CHẤT DẬP LỬA

**Chất dập lửa phù hợp:** Sử dụng nước phun sương, bọt, hóa chất khô hay cacbon-di-oxyt để dập lửa.

**Chất dập lửa không phù hợp:** Các dòng nước thẳng

### CHỮA CHÁY

**Hướng dẫn chữa cháy:** khu vực sơ tán. Ngăn ngừa các chất thất thoát do hoạt động chữa cháy xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, hoặc nguồn nước uống. Người chữa cháy phải sử dụng trang bị bảo hộ tiêu chuẩn và khi ở các khu vực kín, phải dùng thiết bị thở tự điều khiển. Dùng nước xịt làm nguội các bề mặt nóng do tiếp xúc với lửa và để bảo vệ người.

**Các sản phẩm cháy gây nguy hiểm:** Các Andehyt, Các sản phẩm cháy không hoàn toàn, Các oxyt của cacbon, Khí, Các oxyt lưu huỳnh

### CÁC TÍNH CHẤT GÂY CHÁY

**Điểm bốc cháy [Phương pháp]:** >194°C (381°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]

**Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí):** Giới hạn tiếp xúc dưới: 0.9

Giới hạn tiếp xúc trên: 7.0

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** KHÔNG XÁC ĐỊNH

## MỤC 6 CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ RÒ RỈ BẤT NGỜ

### CÁC QUI TRÌNH THÔNG BÁO

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603

Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018

Trang 4 thuộc 12

Trong trường hợp có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ, báo cáo cho các cấp có thẩm quyền liên quan theo tất cả các qui định hiện hành.

## CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Tránh tiếp xúc với vật liệu tràn đổ. Cảnh báo hoặc di tản cư dân xung quanh và những vùng cuối chiều gió nếu cần vì vật liệu có tính độc hại và dễ cháy. Xem Mục 5 về chữa cháy. Xem Mục Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm để biết về Các Hiểm Họa Quan Trọng. Xem Mục 4 về Những Điều Cần Làm Khi Cấp Cứu. Xem Mục 8 để được hướng dẫn về các yêu cầu tối thiểu của trang bị bảo hộ cá nhân. Có thể cần dùng các biện pháp bảo vệ bổ sung, tùy thuộc vào tình trạng cụ thể và/hoặc đánh giá chuyên môn của các nhân viên ứng cứu khẩn cấp.

Cho các nhân viên cấp cứu: Bảo vệ đường hô hấp: Chỉ cần bảo vệ đường hô hấp trong những trường hợp đặc biệt, ví dụ hình thành sương. Sử dụng mặt nạ phòng độc che nửa mặt hoặc toàn mặt có bộ lọc bụi/hơi hữu cơ hoặc có thể sử dụng Thiết Bị Thở Độc Lập (SCBA) tùy thuộc vào khối lượng bị tràn đổ và mức độ có thể bị tiếp xúc. Khi không thể xác định được đầy đủ các đặc điểm của việc tiếp xúc hay khi có thể gặp hoặc dự kiến sẽ gặp tình trạng thiếu oxy trong không khí, nên sử dụng SCBA. Nên dùng găng bảo hộ chịu được hydrocacbon. Găng tay làm bằng polyvinyl axetat (PVA) không chịu được nước và không thích hợp để sử dụng cho trường hợp khẩn cấp. Nên sử dụng kính mắt chống hóa chất nếu có thể bị văng vào mắt hoặc tiếp xúc với mắt. Lượng tràn đổ nhỏ: Trang phục bảo hộ chống tĩnh điện thông thường thường cũng tốt. Lượng tràn đổ lớn: nên sử dụng bộ áo liền quần làm bằng vải chống tĩnh điện.

## XỬ LÝ TRÀN ĐỔ

**Tràn đổ xuống đất:** Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. Thu hồi bằng cách bơm hoặc bằng cách dùng chất hấp thụ thích hợp

**Tràn đổ nước:** Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. khoanh vùng giới hạn lượng tràn đổ ngay lập tức bằng rào phao nổi. Cảnh báo các phương thức vận chuyển khác. Loại bỏ khỏi bề mặt bằng cách hút văng hoặc dùng chất hấp thụ thích hợp. Hối ý kiến chuyên gia trước khi dùng các tác chất phân tán.

Các khuyến nghị trong trường hợp tràn đổ xuống nước hoặc đất là dựa trên cơ sở tình huống tràn đổ thường gặp nhất đối với vật liệu này, tuy nhiên, điều kiện địa lý, gió, nhiệt độ, ( và trong trường hợp tràn đổ xuống nước) sóng và chiều dòng nước cùng tốc độ nước có thể ảnh hưởng lớn trong việc xác định hành động khắc phục cho phù hợp. Vì lý do đó, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia ở địa phương. Chú ý: Các qui định ở địa phương có thể mô tả hoặc giới hạn hành động khắc phục cần thực hiện.

## ĐỀ PHÒNG VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Lượng tràn đổ lớn: Đào mương xung quanh ngăn chặn thật sớm lượng chất lỏng tràn đổ để thu gom xử lý phục hồi hoặc loại bỏ sau này. Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực giới hạn.

## MỤC 7

## THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

### THAO TÁC

Tránh không làm tràn đổ ra ngoài những lượng nhỏ hoặc làm rò rỉ để tránh nguy cơ trượt té. Vật liệu có thể tích tĩnh điện gây ra tia lửa điện (nguồn lửa). Khi thao tác với vật liệu ở số lượng lớn, tia lửa có thể gây bốc cháy bất kỳ hơi dễ cháy nào sinh ra từ các chất lỏng hoặc cặn dư có thể đang hiện diện (ví dụ, trong các thao tác trộn lẫn các loại vật liệu khác nhau – switch loading). Sử dụng các quy trình phù hợp để kết nối và tiếp đất chống phóng điện. Tuy nhiên, kết nối và tiếp đất cũng có thể không loại bỏ được nguy cơ tích tĩnh điện. Xin tham khảo các tiêu chuẩn hiện hành của địa phương để được hướng dẫn. Các nơi có thể cung cấp tài liệu tham khảo thêm bao gồm Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ - American Petroleum Institute 2003 (Bảo Vệ Chống Bốc Cháy

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603

Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018

Trang 5 thuộc 12

Do Tĩnh Điện, Sét Đánh và Các Dòng Điện Khác - Protection Against Ignitions Arising out of Static, Lightning and Stray Currents) hoặc Cơ Quan Bảo Vệ Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia - National Fire Protection Agency 77 (Biện Pháp Thực Hành Nên Dùng để chống Tĩnh Điện-Recommended Practice on Static Electricity) hoặc CENELEC CLC/TR 50404 (Tĩnh điện – Quy định thực hành tránh các hiểm họa tĩnh điện [Electrostatics - Code of practice for the avoidance of hazards due to static electricity]).

**Chất có khả năng tích tĩnh điện:** Vật liệu này là chất có khả năng tích tĩnh điện.

## BẢO QUẢN

Loại dụng cụ đựng để chứa vật liệu này có thể ảnh hưởng đến hoạt động tích và giải tĩnh điện. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nắp. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nắp.

## MỤC 8 KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC / BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các chỉ số giới hạn/tiêu chuẩn tiếp xúc (Chú ý: các chỉ số giới hạn không phải là phần bổ sung)

| Tên hóa chất                                    | Dạng   | Giới hạn/Tiêu chuẩn   | Chú ý:               | Nguồn  | Năm  |
|---|--------|---|----------------------|--|------|
| Phần cát paraffin nặng được xử lý hydro cao     | Sương. | GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN  | 10 mg/m <sup>3</sup> | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2002 |
| Phần cát paraffin nặng được xử lý hydro cao     | Sương. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m <sup>3</sup>  | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2002 |
| Phần cát paraffin nặng được xử lý hydro cao     | Sương. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m <sup>3</sup>  | HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ | 2018 |
| DUNG MÔI PHẦN CÁT PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ SÁP | Sương. | GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN  | 10 mg/m <sup>3</sup> | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2002 |

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603

Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018

Trang 6 thuộc 12

|   |        |  |                     |  |  |  |      |
|---|--------|--|---------------------|--|--|--|------|
| DUNG MÔI PHẦN CẮT<br>PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ<br>SÁP | Sương. | Nồng<br>độ bình<br>quân có<br>thể tiếp<br>xúc<br>trong<br>một thời<br>gian<br>(thường<br>là 8 giờ) | 5 mg/m <sup>3</sup> |  |  | Các Giới<br>Hạn Tiếp<br>Xúc Nghề<br>Nghiệp<br>(OEL) của<br>Việt Nam    | 2002 |
| DUNG MÔI PHẦN CẮT<br>PARAPHIN NẶNG ĐÃ ĐƯỢC KHỬ<br>SÁP | Sương. | Nồng<br>độ bình<br>quân có<br>thể tiếp<br>xúc<br>trong<br>một thời<br>gian<br>(thường<br>là 8 giờ) | 5 mg/m <sup>3</sup> |  |  | HỘI CÁC<br>NHÀ VỆ<br>SINH CÔNG<br>NGHIỆP<br>CỦA CHÍNH<br>PHỦ HOA<br>KỲ | 2018 |

**Các giới hạn / tiêu chuẩn về tiếp xúc với các vật liệu tạo thành trong quá trình thao tác với sản phẩm này:**  
 Khi có sương/khí dung xuất hiện, nên sử dụng : 5 mg/m<sup>3</sup> - Ngưỡng giới hạn (TLV) của ACGIH (phần có thể hít).

CHÚ Ý: Các giới hạn/tiêu chuẩn chỉ được trình bày với mục đích hướng dẫn. Tuân thủ các quy định hiện hành.

## KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Mức độ bảo vệ và các phương pháp kiểm soát cần thiết sẽ khác nhau tùy thuộc vào các điều kiện tiếp xúc có khả năng xảy ra. Các biện pháp kiểm soát cần xem xét là:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

## BẢO HỘ CÁ NHÂN

Việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân thay đổi dựa trên các điều kiện tiếp xúc có thể xảy ra như khi sử dụng, thao tác, nồng độ vật liệu hoặc thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo hộ để sử dụng với vật liệu này, như được cung cấp dưới đây, là dựa trên cách sử dụng bình thường đúng mục đích.

**Bảo vệ đường hô hấp:** Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí ở mức thích hợp để bảo vệ cho sức khỏe công nhân, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được chấp thuận cho dùng thích hợp. Việc lựa chọn, sử dụng, và bảo trì mặt nạ phòng độc phải tuân theo các yêu cầu qui định nếu có. Các kiểu mặt nạ phòng độc cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ. thể hạt

Đối với trường hợp nồng độ trong không khí cao, dùng mặt nạ phòng độc cấp khí đã được chấp thuận sử dụng, hoạt động ở chế độ áp suất dương. Mặt nạ phòng độc cấp khí có bình thoát khí có thể thích hợp trong trường hợp lượng Oxy không đủ, thông tin về tính chất độc hại cần lưu ý của chất khí / hơi không đầy đủ, hoặc nếu tốc độ / năng lực tinh lọc không khí kém không đáp ứng nổi

**Bảo vệ tay:** Thông tin cụ thể về găng tay được cung cấp dựa theo tài liệu công bố và dữ liệu của nhà sản xuất găng tay. Điều kiện làm việc có thể ảnh hưởng rất nhiều đến độ bền của găng tay; kiểm tra và thay thế các găng tay đã hư hỏng hoặc đã mòn. Các kiểu găng tay cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Thông thường không cần phải có biện pháp bảo vệ nào trong các điều kiện sử dụng bình thường.

Nitril, Nhựa Viton (thường dùng trong trang phục bảo hộ)

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603

Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018

Trang 7 thuộc 12

**Bảo vệ mắt:** Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên dùng kính bảo hộ có gờ chắn kín.

**Bảo vệ da và cơ thể:** Mọi thông tin cụ thể về trang phục bảo hộ được cung cấp dựa theo tài liệu công bố hoặc dữ liệu của nhà sản xuất. Các kiểu trang phục bảo hộ cần xem xét sử dụng với vật liệu này bao gồm:

Thông thường không cần phải có biện pháp bảo vệ da trong các điều kiện sử dụng bình thường. Theo hoạt động về vệ sinh công nghiệp tốt, cần có các biện pháp để phòng tránh tiếp xúc với da.

**Các biện pháp vệ sinh riêng:** Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm. Vứt bỏ quần áo, giày dép đã bị ô nhiễm không thể giặt sạch được. Thực hiện quản lý tốt việc giữ gìn vệ sinh

## KIỂM SOÁT VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định môi trường hiện hành hạn chế việc phóng thích ra không khí, nước và đất. Bảo vệ môi trường bằng cách áp dụng những biện pháp kiểm soát thích hợp để ngăn chặn hoặc hạn chế việc phát thải.

## MỤC 9

## TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

**Lưu ý:** Các tính chất lý hóa được cung cấp chỉ nhằm mục đích xem xét về an toàn, sức khỏe và môi trường mà thôi, chúng không thể hiện đầy đủ các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. Xin liên lạc với Nhà Cung Cấp để tìm hiểu thêm.

### THÔNG TIN TỔNG QUÁT

**Trạng thái vật lý:** Chất lỏng

**Màu:** Vàng nhạt

**Mùi:** Đặc điểm

**Ngưỡng phát hiện mùi:** KHÔNG XÁC ĐỊNH

### THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, VÀ MÔI TRƯỜNG

**Tỷ trọng (ở 15 °C):** 0.835

**Khả năng cháy (Rắn, Khí):** KHÔNG ÁP DỤNG

**Điểm bốc cháy [Phương pháp]:** >194°C (381°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]

**Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí):** Giới hạn tiếp xúc dưới: 0.9

Giới hạn tiếp xúc trên: 7.0

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** KHÔNG XÁC ĐỊNH

**Điểm sôi / Phạm vi:** > 316°C (600°F)

**Nhiệt độ phân hủy:** KHÔNG XÁC ĐỊNH

**Tỷ khối hơi (không khí = 1):** > 2 ở 101 kPa

**Áp suất hơi:** < 0.013 kPa (0.1 mm Hg) ở 20 °C

**Tốc độ bay hơi (n-butyl axetat = 1):** KHÔNG XÁC ĐỊNH

**pH:** KHÔNG ÁP DỤNG

**Log Pow (hệ số phân tách n-Octanol/nước):** > 3.5

**Khả năng tan trong nước:** Không đáng kể

**Độ nhớt:** 20.2 CentiStoke (20.2 mm<sup>2</sup>/giây) ở 40 °C | 4.1 CentiStoke (4.1 mm<sup>2</sup>/giây) ở 100°C

**Các Tính Chất Oxy Hóa:** Xem phần Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm.

### THÔNG TIN KHÁC

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603

Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018

Trang 8 thuộc 12

**Điểm đông:** KHÔNG XÁC ĐỊNH

**Điểm nóng chảy:** KHÔNG ÁP DỤNG

**Nhiệt độ rót:** -3°C (26°F)

**Sản phẩm chiết với tác chất chiết DMSO (di-metyl-sunfoxyt), (chỉ dùng cho dầu khoáng), phương pháp thử nghiệm IP-346:** < 3 %tl

## MỤC 10

## ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

**ĐỘ BỀN:** Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.

**CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH:** Nhiệt dư Các nguồn gây cháy giàu năng lượng

**CÁC VẬT LIỆU CẦN TRÁNH:** Chất Oxy hóa mạnh

**CÁC SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY NGUY HIỂM:** Vật liệu không phân hủy ở nhiệt độ môi trường.

**KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG NGUY HIỂM:** Quá trình polyme hóa sẽ không xảy ra

## MỤC 11

## THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### THÔNG TIN VỀ CÁC TÁC DỤNG ĐỘC

| <b>Nhóm nguy hiểm</b>   | <b>Kết luận / Nhận xét</b>   |
|---|--|
| <b>Hít phải</b>   |  |
| Độ độc cấp tính: (Chuột (rat)) 4 giờ HÀM LƯỢNG BÁN TỬ > 5000 mg/m <sup>3</sup> (Khí dung) | Rất ít độc hại. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 403                                       |
| Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.                                    | Rủi ro rất thấp ở nhiệt độ môi trường hoặc nhiệt độ làm việc bình thường.  |
| <b>Ăn vào</b>   |  |
| Độ độc cấp tính (Chuột (rat)): LIỀU BÁN TỬ > 5000 mg/kg                                   | Rất ít độc hại. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 401                                       |
| <b>Da</b>   |  |
| Độ độc cấp tính (Thỏ): LIỀU BÁN TỬ > 5000 mg/kg   | Rất ít độc hại. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 402                                       |
| Ấn Mòn Da/Kích ứng (Thỏ): Dữ liệu có sẵn  | Kích ứng da với mức độ rất nhỏ ở nhiệt độ môi trường. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 404 |
| <b>Mắt</b>  |  |
| Tổn Thương Mắt Nghiêm Trọng/Kích ứng (Thỏ): Dữ liệu có sẵn                                | Có thể gây khó chịu nhẹ cho mắt trong thời gian ngắn. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 405 |
| <b>Gây mất cảm</b>  |  |
| Gây Mất Cảm Đường Hô Hấp: Không có  | Không được xem là chất gây mất cảm đường hô hấp.   |



Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603

Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018

Trang 9 thuộc 12

|   |  |
|---|--|
| tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.<br>Gây Mẫn Cảm Da: Dữ liệu có sẵn.  | Không được xem là chất gây mẫn cảm da. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 406  |
| <b>Sặc vào phổi:</b> Dữ liệu có sẵn.                                    | Có thể tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp. Dựa trên các tính chất lý-hóa của vật liệu.   |
| <b>Khả Năng Gây Đột Biến Tế Bào Mầm:</b> Dữ liệu có sẵn.                | Không được xem là chất gây đột biến tế bào mầm. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 471 473 474 476                                       |
| <b>Khả năng gây ung thư:</b> Dữ liệu có sẵn.                            | Không được xem là gây ung thư. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 451 453  |
| <b>Độc Tính Sinh Sản:</b> Dữ liệu có sẵn.                               | là Không được xem là chất độc sinh sản. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 414 421   |
| <b>Thời kỳ cho con bú:</b> Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây hại cho trẻ đang bú mẹ.  |
| <b>Độc Tính Cơ Quan Mục Tiêu Cụ Thể (STOT)</b>                          |  |
| Tiếp Xúc Một Lần: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.          | Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc một lần.   |
| Tiếp Xúc Lặp Lại: Dữ liệu có sẵn.                                       | Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 408 410 411 412 453 |

## THÔNG TIN KHÁC

### Cho bản thân sản phẩm.:

Lượng nhỏ chất lỏng hít vào phổi trong khi ăn phải hoặc nôn ra có thể gây viêm phổi do hóa chất hoặc phù phổi. Dầu gốc được tinh chế theo yêu cầu khắt khe: Không gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật. Vật liệu đại diện đạt chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm IP-346, chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm Ames sửa đổi, và/hoặc các chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm sàng lọc khác. Các nghiên cứu trên da và đường hô hấp cho thấy có tác dụng ảnh hưởng rất ít; thâm nhiễm không đặc trưng qua phổi vào các tế bào hệ miễn dịch, kết tụ chất béo và rất ít hình thành u hạt. Không gây mẫn cảm trong các thử nghiệm trên động vật.

### Phân loại của CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI:

Các thành phần sau được trích dẫn vào các danh mục dưới đây: Không.

1 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU  
UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ  
THẾ GIỚI 1

--CÁC QUY ĐỊNH CẦN TÌM--  
2 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU  
UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ  
THẾ GIỚI 2A

3 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU  
UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ  
THẾ GIỚI 2B

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603  
 Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018  
 Trang 10 thuộc 12

|               |                               |
|---------------|-------------------------------|
| <b>MỤC 12</b> | <b>THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</b> |
|---------------|-------------------------------|

Thông tin được nêu dựa trên các dữ liệu sẵn có về vật liệu, các thành phần của vật liệu, và các vật liệu tương tự.

**ĐỘC TÍNH VỀ MẶT SINH THÁI**

Vật liệu -- Không được xem là có hại cho thủy sinh vật

**TÍNH LINH ĐỘNG**

Vật liệu -- Ít tan và nổi được và được xem là có thể trôi dạt từ nước đến mặt đất. Được xem là có thể phân tách thành cặn lắng và các chất rắn trong nước thải

Vật liệu -- Khả năng di chuyển trong đất kém.

**TÍNH BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY BỞI VI SINH VẬT**

**Phân hủy bởi vi sinh vật.:**

Vật liệu -- Được xem là vốn có tính bị phân hủy bởi vi sinh vật

**KHẢ NĂNG TÍCH TỤ TRONG CƠ THỂ**

Vật liệu -- Có khả năng tích tụ trong cơ thể, tuy nhiên các tính chất vật lý hoặc chuyển hoá trong cơ thể có thể làm giảm nồng độ hoạt động sinh học hoặc giới hạn khả năng sẵn sàng hoạt động sinh học.

**THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

**Độc tính sinh thái**

| Kiểm tra – thử nghiệm        | Khoảng thời gian | Loại sinh vật                           | Kết quả kiểm tra - thử nghiệm   |
|------------------------------|------------------|---|---|
| Dưới nước - Độ độc cấp tính  | 48 giờ           | Bọ nước Daphnia magna                   | EL0 1000 - 10000 mg/l: Dữ liệu cho các vật liệu tương tự  |
| Dưới nước - Độ độc cấp tính  | 96 giờ           | Cá Pimephales promelas                  | LL0 100 mg/l: Dữ liệu cho các vật liệu tương tự   |
| Dưới nước - Độ độc cấp tính  | 72 giờ           | Tảo Lục Pseudokirchneriella subcapitata | EL0 100 mg/l: Dữ liệu cho các vật liệu tương tự   |
| Dưới nước - Độc tính lâu dài | 21 ngày          | Bọ nước Daphnia magna                   | Kết quả là không quan sát thấy bất kỳ mức độ tác dụng nào xảy ra. 10 - 1000 mg/l: Dữ liệu cho các vật liệu tương tự |
| Dưới nước - Độc tính lâu dài | 72 giờ           | Tảo Lục Pseudokirchneriella subcapitata | Kết quả là không quan sát thấy bất kỳ mức độ tác dụng nào xảy ra. 100 mg/l: Dữ liệu cho các vật liệu tương tự       |

**Tiềm năng tích tụ sinh học lâu dài và có khả năng thái hóa**

| Phương tiện | Nhóm kiểm tra             | Khoảng thời gian | Kết quả kiểm tra - thử nghiệm                   |
|-------------|---------------------------|------------------|---|
| Nước        | Tính Dễ Phân Hủy Sinh Học | 28 ngày          | Phần trăm bị thoái hóa < 60 : vật liệu tương tự |

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603  
Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018  
Trang 11 thuộc 12

## MỤC 13 XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các khuyến nghị việc thải bỏ dựa trên tài liệu như đã được cung cấp. Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp hiện hành đang áp dụng, và đặc tính của vật liệu vào lúc thải bỏ.

### KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC THẢI BỎ

Sản phẩm thích hợp dùng để đốt trong lò kín có kiểm soát để làm nhiên liệu hoặc thải bỏ bằng cách đốt cháy có giám sát ở nhiệt độ rất cao để tránh tạo thành các sản phẩm cháy không mong muốn. Bảo vệ môi trường. Thải bỏ dầu đã qua sử dụng tại nơi quy định. Giảm tiếp xúc với da đến mức tối thiểu. Không trộn lẫn dầu đã qua sử dụng với các dung môi, dầu thắng hoặc chất làm nguội.

**Cảnh báo về bình chứa rỗng NỘI DUNG NHÃN ĐỀ PHÒNG:** Bình chứa rỗng có thể vẫn còn cặn dư và có thể gây nguy hiểm. KHÔNG ÉP, CẮT, HÀN, KHOAN, MÀI HOẶC ĐỀ CÁC BÌNH CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, MÔI TRƯỜNG TĨNH ĐIỆN, HOẶC CÁC NGUỒN GÂY CHÁY; CHÚNG CÓ THỂ NỔ VÀ GÂY THƯƠNG TẬT HOẶC TỬ VONG. Đừng cố gắng tái nạp hoặc làm sạch bình chứa đựng vì cặn dư rất khó loại bỏ. Các phụ sử dụng xong phải được tháo xả cho hết hoàn toàn, bit kín đúng cách và lập tức chuyển trả cho nơi tu sửa phụ hồi phụ. Mọi bình chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn đối với môi trường và phù hợp với các qui định của chính quyền.

## MỤC 14 THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

**ĐẤT :** Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường bộ

**Qui định về vận chuyển đường biển đối với các hàng hóa gây nguy hiểm (IMDG):** Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường biển theo IMDG

**Chất gây ô nhiễm biển:** Không

**AIR (IATA):** Không được qui định cho việc vận chuyển bằng máy bay

## MỤC 15 THÔNG TIN QUI ĐỊNH

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo Luật Hóa Chất.

### TÌNH TRẠNG QUI ĐỊNH VÀ CÁC LUẬT VÀ QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH

**Được nêu hoặc được miễn nêu/thông báo trong các danh mục hóa chất sau đây (Có thể chứa (những) chất phải thông báo vào danh mục chất có hoạt động theo Đạo Luật về Kiểm Soát Chất Độc (TSCA) của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ (EPA) trước khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ):**

AICS, DSL, ENCS, IECSC, KECI, PICCS, TCSI, TSCA

Tên sản phẩm: MOBILTHERM 603  
Ngày sửa đổi: 13 Tháng Ba 2018  
Trang 12 thuộc 12

**MỤC 16****THÔNG TIN KHÁC**

N/D = không xác định, N/A = không áp dụng

**DIỄN GIẢI CÁC MÃ HIỂM HỌA (H-CODE) NẾU TẠI MỤC 3 CỦA TÀI LIỆU NÀY (chỉ dùng để tham khảo):**

H304: Độc hại nghiêm trọng khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp; Hít Phải, Nhóm 1

**BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) NÀY CÓ CHỨA CÁC PHẦN SỬA ĐỔI SAU:**

Công ty TNHH Dang Ngoc Hung (D.N.H. Co., Ltd): Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được xóa.  
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Giang): Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp đã bổ sung thông tin.  
Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN: Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được sửa.  
Mục 08: Bảng Giới Hạn Tiếp Xúc thông tin đã được sửa.

Thông tin và các khuyến nghị trong tài liệu này, theo sự hiểu biết và tin tưởng nhất của ExxonMobil's, là chính xác và đáng tin cậy tính đến thời gian phát hành. Bạn có thể liên hệ ExxonMobil để được chắc chắn rằng tài liệu này là tài liệu gần đây nhất của ExxonMobil. Thông tin và các khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng để kiểm tra và xem xét. Trách nhiệm của người sử dụng là tự quyết định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích sử dụng hay không. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, thì trách nhiệm của người sử dụng là phải bảo đảm các tài liệu hướng dẫn phù hợp về sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác phải được kèm theo với và/hoặc trên bình chứa. Các cảnh báo phù hợp và các qui trình thao tác an toàn phải được cung cấp cho người thao tác và người sử dụng. Nghiêm cấm sửa đổi tài liệu này. Ngoại trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, việc tái xuất bản hoặc tái chuyển tải tài liệu này, một phần hay toàn bộ, là không được phép. Thuật ngữ "ExxonMobil" được sử dụng cho mục đích tiện lợi, và có thể bao gồm bất kỳ một hoặc nhiều các thuật ngữ ExxonMobil Chemical, ExxonMobil Corporation, hoặc bất kỳ các công ty thành viên nào mà các công ty này gián tiếp hoặc trực tiếp có quyền lợi liên quan

DGN: 2011272XVN (1013579)